

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 352/2025/DS-ST

Ngày: 20-6-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thiếu Liên;
2. Ông Vương Tấn Độ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quế Linh, cán bộ Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Diệu Thùy, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 248/2025/TLST- DS ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 296/2025/QĐXXST-DS ngày 30/5/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Q, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh T.

Địa chỉ liên lạc: 1055A N, xã H, huyện N, Thành phố H.

Người đại diện ủy quyền: Bà Đinh Thị Q, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, thành phố Q, tỉnh Q.

Bà Đinh Thị Q có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Đức G, sinh năm 1974

Địa chỉ: 532/28B Khu Y, phường B, quận B, Thành phố H.

Ông G có đơn xin vắng mặt.

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 532/1/2/9 Khu Y, phường B, quận B, Thành phố H.

Bà T có đơn xin vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Mai Xuân T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh T.

Ông Mai Xuân T có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Q và bản tự khai của đại diện nguyên đơn tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Vũ Thị Q có bà Đình Thị Q làm đại diện trình bày:

Ngày 14/5/2021, bà Vũ Thị Q và ông Mai Xuân T có cho ông Nguyễn Đức G và bà Lê Thị T vay số tiền 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng). Ông G và bà T đã nhận đủ tiền vay (căn cứ theo Biên lai chuyển tiền ngày 14/5/2021) và ký tên trên Hợp đồng vay tiền ngày 14/5/2021.

Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 14/5/2021, các bên thỏa thuận các nội dung như sau:

- Thời hạn vay: “Thời hạn vay là 01 năm, hết thời hạn này hai bên có thể gia hạn nhưng không quá 01 năm,...” (khoản 2.1 Điều 2)

- Lãi suất: “Bên A và Bên B thỏa thuận về mức lãi suất đối với số tiền cho vay” (Điều 3).

Như vậy, Hợp đồng vay tiền ngày 14/5/2021 là Hợp đồng vay có thời hạn và có lãi.

Đến thời điểm hiện tại, đã quá thời hạn vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 14/5/2021 nhưng ông Nguyễn Đức G và bà Lê Thị T vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay nêu trên cho bà Vũ Thị Q và ông Mai Xuân T. Mặc dù bà Q và ông T đã nhiều lần liên hệ bằng phương thức điện từ và liên hệ tại địa chỉ cư trú để yêu cầu thanh toán toàn bộ khoản nợ, nhưng ông G và bà T cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Điều này đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Q và ông T, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng vay tiền ngày 14/5/2021 và theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết

Buộc ông Nguyễn Đức G và bà Lê Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Vũ Thị Q và ông Mai Xuân T đối với khoản vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 14/5/2021, cụ thể:

Nợ gốc: 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng);

Nợ lãi: không yêu cầu ông G, bà T thanh toán nợ lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Đức G, bà Lê Thị T trình bày: Ông G, bà T xác nhận lời trình bày của đại diện ủy quyền của bà Vũ Thị Q về hợp đồng vay tài sản là đúng sự thật. Từ tháng 01/2025 đến nay, khi vợ chồng ông G, bà T bị người khác giật nợ thì mới vi phạm hợp đồng với nguyên đơn chứ bị đơn không bao giờ có ý trốn tránh trả nợ. Do kinh tế khó khăn ông bà không thực hiện trả nợ đúng hạn. Nay ông G, bà T không còn khả năng trả nợ theo yêu cầu của bà Q, khi nào ông bà đi làm có tiền sẽ trả dần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân T trình bày:

Ngày 14/5/2021, bà Vũ Thị Q và ông Mai Xuân T có cho ông Nguyễn Đức G và bà Lê Thị T vay số tiền 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng). Ông G và bà T đã nhận đủ tiền vay (căn cứ theo Biên lai chuyển tiền ngày 14/5/2021) và ký tên trên Hợp đồng vay tiền ngày 14/5/2021.

Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 14/5/2021, các bên thỏa thuận các nội dung như sau:

- Thời hạn vay: “Thời hạn vay là 01 năm, hết thời hạn này hai bên có thể gia hạn nhưng không quá 01 năm,...” (khoản 2.1 Điều 2)

- Lãi suất: “Bên A và Bên B thỏa thuận về mức lãi suất đối với số tiền cho vay” (Điều 3).

Như vậy, Hợp đồng vay tiền ngày 14/5/2021 là Hợp đồng vay có thời hạn và có lãi.

Đến thời điểm hiện tại, đã quá thời hạn vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 14/5/2021 nhưng ông Nguyễn Đức G và bà Lê Thị T vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay nêu trên cho bà Vũ Thị Q và ông Mai Xuân T. Mặc dù bà Q và ông T đã nhiều lần liên hệ bằng phương thức điện từ và liên hệ tại địa chỉ cư trú để yêu cầu thanh toán toàn bộ khoản nợ, nhưng ông G và bà T cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Điều này đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Q và ông T, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng vay tiền ngày 14/5/2021 và theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

- Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Đức G và bà Lê Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Vũ Thị Q và ông Mai Xuân T đối với khoản vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 14/5/2021, cụ thể:

Nợ gốc: 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng);

Nợ lãi: không yêu cầu ông G, bà T thanh toán nợ lãi.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn bà Vũ Thị Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân T có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Đức G, bà Lê Thị T có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận B phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa có cơ sở xác định ông G, bà T có vay của bà Q, ông T 1.900.000.000đ (một tỉ chín trăm triệu đồng). Trong vụ án này, nguyên đơn đã chứng minh được đầy đủ căn cứ về khoản nợ, còn bị đơn không cung cấp được bất kỳ tài liệu nào chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ hoặc có tình tiết loại trừ trách nhiệm. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả vốn 1.900.000.000đ (một tỉ chín trăm triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận. Riêng tiền tiền lãi do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Vũ Thị Q yêu cầu ông Nguyễn Đức G và bà Lê Thị T phải thực hiện việc trả tiền theo Hợp đồng vay tiền ngày 14/5/2021 là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông Nguyễn Đức G và bà Lê Thị T có địa chỉ cư trú tại 532/28B Khu Y, phường B, quận B, Thành phố H. Do đó vụ kiện thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân quận B theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện nguyên đơn cùng bị đơn có đơn xin vắng mặt, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà*

bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận vào 14/5/2021, bị đơn ông G, Tỉnh đã vay của vợ chồng nguyên đơn ông T, bà Q số tiền 1.900.000.000đ (một tỉ chín trăm triệu đồng), thời hạn vay 01 năm, bị đơn chưa thực hiện trả tiền cho nguyên đơn; đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Đối với yêu cầu trả tiền vốn gốc 1.900.000.000đ (một tỉ chín trăm triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét yêu cầu buộc ông Nguyễn Đức G và bà Lê Thị T phải trả cho bà Vũ Thị Q và ông Mai Xuân T số tiền 1.900.000.000đ (một tỉ chín trăm triệu đồng) còn nợ theo giấy mượn tiền ngày 14/5/2021, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự thì ngày 14/5/2021, ông Nguyễn Đức G và bà Lê Thị T (bên vay) đã xác lập hợp đồng vay tiền với vợ chồng bà Vũ Thị Q và ông Mai Xuân T (bên cho vay), số tiền vay là 1.900.000.000đ (một tỉ chín trăm triệu đồng), thời hạn vay hai 01 năm, lãi suất do hai bên thỏa thuận. Bên cho vay đã giao tiền vay cho bên vay thông qua hình thức chuyển khoản. Như vậy, có cơ sở xác định giao dịch hai bên xác lập là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi suất. Tại Tòa, bị đơn cũng xác nhận còn nợ vợ chồng ông T, bà Q 1.900.000.000đ (một tỉ chín trăm triệu đồng). Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị đơn xin trả tiền vay cho ông Mai Xuân T, bà Vũ Thị Q khi đi làm có tiền. Theo Hợp đồng vay tiền hai bên thỏa thuận, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 14/5/2021. Nay hợp đồng đã quá thời hạn trả tiền, vợ chồng ông G, bà T lại xin trả dần số tiền vay khi đi làm có tiền nhưng không được nguyên đơn chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, chấp nhận ý kiến xin được trả dần khoản nợ của bị đơn. Bởi lẽ, theo quy định khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự thì *“Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn”*. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông G, bà T phải trả ngay cho vợ chồng bà Q, ông T số tiền 1.900.000.000đ (một tỉ chín trăm triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5.2] Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn trả lãi đến ngày xét xử, căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền tự định đoạt của đương sự, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết phần tiền lãi.

[6] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố H thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp án phí, hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Nguyễn Đức G và bà Lê Thị T phải nộp án phí tính trên số tiền 1.900.000.000đ (một tỉ chín trăm triệu đồng) phải trả cho ông Mai Xuân T, bà Vũ Thị Q; án phí được tính là: 69.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Q đối với ông Nguyễn Đức G và bà Lê Thị T về việc yêu cầu ông Nguyễn Đức G và bà Lê Thị T thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc, không yêu cầu trả lãi chậm trả theo Hợp đồng vay tiền ngày 14/5/2021.

Buộc ông Nguyễn Đức G và bà Lê Thị T có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị Q, ông Mai Xuân T số tiền 1.900.000.000đ (một tỉ chín trăm triệu đồng); trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đức G và bà Lê Thị T phải nộp 69.000.000đ (sáu mươi chín triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Vũ Thị Q số tiền 34.500.000đ (ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Vũ Thị Q đã nộp theo biên lai thu số 0077027 ngày 11/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố H.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Linh